BÀI GIẢNG: QUIZLET 7.1- COMMUNICATION AND CULTURE/CLIL
CHUYÊN ĐỀ 8. UNIT 8: NEW WAYS TO LEARN
MÔN TIẾNG ANH – SGK GLOBAL SUCCESS – LỚP 10
GIÁO VIÊN: HOÀNG XUÂN

STT	Từ mới/Cụm từ	Từ loại	Phát âm	Nghĩa
1	show somebody how to do something	v		chỉ cho ai cách làm gì
2	the search box	n		ô tìm kiếm
3	at the top of the screen			ở trên cùng màn hình
4	search results	n		kết quả tìm kiếm
5	next to something			ở bên cạnh cái gì
6	icon	n	/ˈaɪkɒn/	biểu tượng
7	download	n		sự tải về
8	complete	v	/kəmˈpliːt/	hoàn tất, hoàn thành
9	be designed to do something			được thiết kế để làm gì
10	play a role of somebody			đóng vai trò của ai
11	guide	n	/gaɪd/	người hướng dẫn, người chỉ dẫn
12	lifelong learning	n		việc học trọn đời
13	encourage somebody to do something	v	/ɪnˈkʌrɪdʒ/	khuyến khích ai làm gì
14	challenge somebody to do something	v	/ˈtʃælɪndʒ/	thử thách ai làm gì
15	individual		/ˌɪndɪˈvɪdʒuəl/	cá nhân
16	responsible		/rɪˈspɒnsəbl/	có trách nhiệm
17	confident		/ˈkɒnfɪdənt/	tự tin
18	class discussion			sự thảo luận trên lớp
19	feature		/ˈfiːtʃə(r)/	đặc điểm, điểm đặc trưng
20	main		/meɪn/	chính
21	be expected to do something			được mong chờ sẽ làm gì
22	take part in			tham gia vào
23	express		/ɪkˈspres/	bày tỏ
24	personal		/ˈpɜːsənl/	thuộc về cá nhân
25	opinion		/əˈpɪnjən/	kiến, quan điểm